

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 631/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11-2018
V/v tranh chấp “ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Minh Tâm
2. Ông Lê Văn Mút

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Phú Quý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2439/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm Quang T, sinh năm 1978. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: 68/1 ấp T, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Hồ Ngọc T, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Địa chỉ: 8/1 ấp PL, xã K, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn Phạm Quang T trình bày:

Về hôn nhân: anh đăng ký kết hôn với chị Hồ Ngọc T tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre vào ngày 06-9-2007, hôn nhân giữa anh và chị T là tự nguyện. Sau khi kết hôn anh và chị T đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn tới việc sống ly thân; lúc hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên đã hòa giải cho vợ chồng nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, hôn nhân không hạnh phúc nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T; khi ly hôn anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho anh.

Về nuôi con chung: anh và chị T có một con chung là Phạm Quang T, sinh ngày 16/3/2008, con chung đang sống với chị T vẫn được đi học và chăm sóc tốt, con chung có nguyện vọng sống với chị T nên anh đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Vợ chồng anh có tài sản chung nhưng anh không yêu cầu giải quyết; về nợ chung không có nên anh không yêu cầu.

Bị đơn Hồ Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; các tài liệu, chứng cứ do tòa án thu thập nhưng không có văn bản ý kiến gửi Tòa án cũng không có yêu cầu phản tố.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn Phạm Quang T thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Hồ Ngọc T chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Hôn nhân của anh T và chị T là hôn nhân hợp pháp. Do anh T và chị T sống chung có nhiều mâu thuẫn, đã có thời gian dài sống ly thân nhưng không hàn gắn được tình cảm nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, cho anh T ly hôn với chị T. Do anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho anh khi ly hôn nên không xem xét.

Về nuôi con chung: anh T và chị T có một con chung là Phạm Quang T, sinh ngày 16/3/2008, con chung đang sống với chị T vẫn được đi học và chăm sóc tốt, con chung có nguyện vọng sống với chị T, anh T đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc anh T không cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản, nợ chung: anh T, chị T không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* nguyên đơn Phạm Quang T yêu cầu ly hôn với bị đơn Hồ Ngọc T, yêu cầu về nuôi con chung nên đây là tranh chấp “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị

đơn Hồ Ngọc T đăng ký thường trú tại số 8/1 ấp PL, xã K, huyện P, tỉnh Bến Tre theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] *Về tố tụng*: Nguyên đơn Phạm Quang T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng chấp nhận yêu cầu xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Hồ Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt đối với chị Hồ Ngọc T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về hôn nhân*: anh T và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đại Điền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/9/2007 nên hôn nhân của anh T và chị T là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn tới việc vợ chồng không tiếp tục sống chung, mặc dù đã được gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Anh T xác định hôn nhân không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với chị T. Chị T biết rõ việc anh T có đơn xin ly hôn với chị, chị T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu của Tòa án nhiều lần đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Qua xác minh bà Bùi Thị U là mẹ chị T cho biết giữa anh T và chị T có mâu thuẫn dù đã được gia đình hòa giải nhưng không hòa giải được. Từ đó có căn cứ kết luận tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T có yêu cầu ly hôn với chị T là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, cho anh T ly hôn với chị T. Do anh T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên không xem xét.

[5] *Về nuôi con chung*: anh T và chị T có một con chung là Phạm Quang T, sinh ngày 16/3/2008, con chung đang sống với chị T vẫn được đi học và chăm sóc tốt, con chung có nguyện vọng sống với chị T, anh T đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng nên giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, anh T không cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở. Anh T, chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[6] *Về chia tài sản, nợ chung*: anh T, chị T không yêu cầu nên không xem xét.

[7] *Về án phí*: anh T phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí, Điều 26, 27, Tiểu

mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T. Cho anh Phạm Quang T ly hôn với chị Hồ Ngọc T. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

2. *Về nuôi con chung*: chị T được trực tiếp nuôi con chung Phạm Quang T, sinh ngày 16/3/2008. Anh T không cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở. Anh T, chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về chia tài sản, nợ chung*: anh T, chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. *Về án phí*: Anh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp theo Biên lai số 0014311 ngày 22-02-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Thanh Minh